

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 01 - 2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Khánh Sơn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 198/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Minh Đ, sinh năm 1991, Căn cước công dân số: 031091011939; nơi cư trú: phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1992, Căn cước công dân số: 031192012908; nơi cư trú: phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng.

Anh Đ và chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày: Anh Đ và chị T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiền Bái nay là phường Thiên Hương năm 2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Nay anh Đ xin được ly hôn với chị T, chị T cũng đồng ý ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung Hoàng Nhật Minh, sinh năm

2016, Hoàng Diệu Anh, sinh năm 2019. Ly hôn anh Đ nhận nuôi con chung Hoàng Nhật Minh, Chị T nhận nuôi con chung Hoàng Diệu Anh. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung anh Đ và chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho anh Hoàng Minh Đ được ly hôn chị Trần Thị Phương T. Giao con chung Hoàng Nhật Minh cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Hoàng Diệu Anh cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn. Bị đơn hiện đang cư trú tại phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: **Anh Đ và chị T** kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiền Bái nay là phường Thiên Hương năm 2016, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng không khắc phục được Anh Đ

xin ly hôn chị T cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Minh Đ.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Hoàng Nhật Minh, sinh năm 2016, Hoàng Diệu Anh, sinh năm 2019. Anh Đ có nguyện vọng được nuôi con chung Hoàng Nhật Minh. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung Hoàng Diệu Anh nên cần giao con chung Nhật Minh cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Diệu Anh cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Minh Đ được ly hôn chị Trần Thị Phương T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Hoàng Nhật Minh, sinh năm 2016, Hoàng Diệu Anh, sinh năm 2019. Giao con chung Hoàng Nhật Minh cho anh Hoàng Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Hoàng Diệu Anh cho chị Trần Thị Phương T nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hoàng Minh Đ phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006418 ngày 13 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đ và chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND cùng cấp;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường Thiên Hương
(Giấy CNKH số 37/2016);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai